

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN
- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Trung.

2. Ông Lê Hồng Xuân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Lâm Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố 8, Đường Nguyễn T, thị trấn B, huyện BL, tỉnh Long An.

2. ***Bị đơn:*** Ông Trương Hoài A, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã T, huyện TA, tỉnh Long An.

Nơi cư trú hiện nay: Đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 1, Trại giam Thanh Hòa, thuộc Ấp 3, xã TT, huyện TH, tỉnh Long An.

(*Bà H có mặt, ông A có đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lâm Thị H yêu cầu khởi kiện: Bà H và ông Trương Hoài A tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TA, tỉnh Long An năm 2012. Quá trình vợ chồng bà H chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn đến tháng 10/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A không lo làm ăn, không chung thủy, ông A bỏ mặc vợ con đi ra ngoài chung sống như vợ chồng và có con với người phụ nữ khác. Khi bà H phát hiện được có khuyến ngăn và tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, ông A không những không lo tu chí làm ăn mà còn phạm tội nên năm 2019, ông A phải chấp hành án phạt tù về tội giết người (bị Tòa án xử 12 năm tù).

Nay bà H thấy rằng, do vợ chồng đã ly thân nhau trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hoài A.

- Về con chung: Bà H và ông A chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trường V, sinh ngày 06/5/2012; Giới tính: Nữ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay do bà H nuôi dưỡng, sáng đi làm công nhân thì bà H gửi cho bà nội của cháu là bà Lê Thị U, đến chiều đi làm về thì bà đón. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Sau này, khi ông A chấp hành án trở về nếu ông A muốn nuôi con thì bà đồng ý giao cho ông A nuôi, bà không tranh chấp.

- Tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Hoài A có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hiền như sau: Ông A thống nhất với bà H về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó do ông A đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng phải ly thân nhau, do vậy tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt.

Nay bà Hiền yêu cầu ly hôn ông A đồng ý. Khi ly hôn, ông A yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Thị Trường V, sinh ngày 06/5/2012; Giới tính: Nữ

cho mẹ của ông A là bà Lê Thị U (bà nội của cháu V) trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không yêu cầu bà Hiền cấp dưỡng nuôi con.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Lâm Thị H cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Lâm Thị H và ông Trương Hoài A (bản chính); Giấy khai sinh cháu Trương Thị Trường V (bản sao); Sổ thăm gặp phạm nhân (bản phô tô).

Chứng cứ do ông A cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của ông Trương Hoài A ngày 09/9/2020.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông A. Ngày 09/9/2020, ông A có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và có đơn đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa với lý do ông A đang phải chấp hành án trong trại giam. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án như sau:

Về hoạt động tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã xác định đúng tư cách đương sự tham gia tố tụng, quan hệ tranh chấp, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định về của pháp luật khi tham gia tố tụng, nên Kiểm sát viên không có đề nghị hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Bà Lâm Thị H và ông Trương Hoài A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2012. Quá trình chung sống giữa bà H và ông A chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn đến 10/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A không lo làm ăn, không chung thủy, ông A bỏ mặc vợ con đi ra ngoài chung sống như vợ chồng và có con với người phụ nữ khác. Khi bà H phát hiện được có khuyên ngăn và tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân

nhau từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, ông A không những không lo tu chí làm ăn mà còn phạm tội nên năm 2019, ông A phải chấp hành án phạt tù về tội giết người (bị Tòa án xử 12 năm tù).

Do bà H và ông A đã ly thân nhau trong thời gian dài nên tình cảm giữa bà H và ông A trở nên lạnh nhạt, không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Bà H và ông A tự thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn, ông A đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung bà H và ông A đều thống nhất không có tài sản chung nên không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

Về con chung: Bà H và ông A tranh chấp về quyền nuôi con. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng. Ngược lại, ông A yêu cầu bà H giao con chung là cháu Trương Thị Trường V cho mẹ ông A là bà Lê Thị U nuôi, không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Nhận thấy, cháu V có giới tính là nữ, từ khi ông A và bà H ly thân con chung đều do bà H nuôi. Buổi sáng bà H mang gửi cho bà nội của cháu là bà Lê Thị U chăm để đi làm chiều rước về. Bà H làm công nhân thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Quá trình bà H nuôi cháu V được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của cháu V. Mặt khác, sau khi ly hôn người trực tiếp nuôi con phải là cha mẹ chứ không phải là ông bà nội hoặc ngoại. Hiện nay, ông A đang chấp hành án trong trại giam nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu V về mọi mặt sức khỏe, giới tính, tâm sinh lý, ổn định chỗ ở, học hành và phù hợp với nguyện vọng của cháu V khi cha mẹ ly hôn thì việc giao con cho bà H nuôi là hợp lý nhất.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Lâm Thị H và ông Trương Hoài A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TA, tỉnh Long An, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông A hiện tại đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam TH thuộc huyện TH, tỉnh Long An nên theo quy định tại Điều 12 Luật cư trú thì ông An đang cư trú tại huyện TH, tỉnh Long An. Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông A, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng*: Do ông A có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông A.

[4] *Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn*: Qua lời khai của bà H và ông A trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện việc bà H và ông A thống nhất do vợ chồng đã ly thân nhau trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, bà H và ông A không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau nữa. Bà H thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn, ông A đồng ý. Bà H và ông A tự nguyện thuận tình ly hôn, đồng thời thống nhất trong quá trình vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung nên không có tranh chấp. Việc thuận tình ly hôn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ để chấp nhận.

[5] *Về con chung*: Cháu Trương Thị Trường V, sinh ngày 06/5/2012; Giới tính: Nữ. Từ khi bà H và ông A ly thân đến nay do bà H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng. Ngược lại, ông A không đồng ý với yêu cầu nuôi con của bà H. Ông A yêu cầu bà H giao con cho mẹ của ông A (bà nội của cháu) là bà Lê Thị U nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Trường V có giới tính là nữ nên bà H chăm sóc và giáo dục giới tính sẽ tốt hơn ông A. Cháu V có nguyện vọng ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Từ khi bà H và ông A ly thân, cháu V do bà H nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường và được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Về thu nhập bà H làm công nhân có thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đủ để nuôi con, ông A không có thu nhập đảm bảo để nuôi con do đang chấp hành án trong trại giam. Tình trạng con chung hiện nay, buổi sáng bà H đi làm công nhân thì cháu V được gửi cho bà nội của cháu (mẹ của ông A là bà Lê Thị U), chiều về bà H rước về để dạy học và chăm sóc. Cháu V đều nhận được sự chăm sóc sum vầy cả bên nội lẫn bên ngoại. Ngoài ra, bà H cũng có ý kiến do hiện nay ông A không đủ điều kiện để nuôi

con nên bà H yêu cầu trực tiếp nuôi, nếu sau này ông A chấp hành án trở về và có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con bà H sẽ đồng ý giao con cho ông A nuôi dưỡng chứ không tranh chấp gì. Mặt khác, theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình thì sau khi ly hôn cha hoặc mẹ là người trực tiếp nuôi con chứ không phải là ông bà (nội hoặc ngoại). Qua đó có thể khẳng định bà H là người đủ điều kiện nuôi con, ông A chưa đủ điều kiện. Do đó, việc quyết định giao con chung là cháu Trương Thị Trường V cho bà H nuôi là đảm bảo quyền lợi cho cháu về mọi mặt, ổn định điều kiện ăn ở, học tập, chăm sóc sức khỏe, giới tính và nguyện vọng của cháu, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Tài sản chung, nợ chung*: Bà H và ông A xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hiền phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lâm Thị H đối với ông Trương Hoài A.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị H và ông Trương Hoài A.

- Về con chung: Bà Lâm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Trường V, sinh ngày 06/5/2012; Giới tính: Nữ. Ông Trương Hoài A không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị H và ông Trương Hoài A xác định không có và cũng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí: Bà Lâm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003376 ngày 13/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TH sang án phí để thi hành (bà H đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà Lâm Thị H có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trương Hoài A vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Đình Ngân

